

Bản án số: 1883/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10-12-2019

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Thông
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 443/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5830/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Như S, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 79/1A Khu phố A, phường T, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyen, Truc T1, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ST Tacoma WA 98404, USA.

(Các đương sự đều có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai, nguyên đơn là bà Phạm Thị Như S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyen, Truc T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/4/2019.

Ngay sau khi kết hôn, ông Nguyen, Truc T1 quay trở về Hoa Kỳ, từ đó bà và ông Nguyen, Truc T1 không còn gặp nhau mà chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại. Bà và ông Nguyen, Truc T1 đã nhiều lần tìm hướng giải quyết để có thể cùng chung sống

với nhau ở một nơi, cùng chăm sóc, yêu thương, giúp đỡ nhau nhưng cả hai đều không muốn thay đổi công việc cũng như nơi ở hiện tại. Cụ thể, ông Nguyen, Truc T1 không muốn quay về Việt Nam để sống cùng bà, còn bà cũng không muốn sang Hoa Kỳ để sống cùng ông Nguyen, Truc T1.

Sau một thời gian, bà nhận thấy giữa bà và ông Nguyen, Truc T1 không có hạnh phúc hôn nhân, không thể trọn vẹn nghĩa vụ vợ chồng, không có chăm sóc, yêu thương nhau từ khi kết hôn cho đến nay, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyen, Truc T1.

Về con chung: Bà khai giữa bà và ông Nguyen, Truc T1 không có con chung.

Về tài sản chung: Bà khai giữa bà và ông Nguyen, Truc T1 không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà khai giữa bà và ông Nguyen, Truc T1 không có nợ chung.

Theo Bản tự khai đã được Lãnh sự quán Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại New York, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng nhận / hợp pháp hóa lãnh sự ngày 21/10/2019, bị đơn là ông Nguyen, Truc T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị Như S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/4/2019.

Ngay sau khi kết hôn, ông quay trở về Hoa Kỳ, từ đó ông và bà Phạm Thị Như S không còn gặp nhau mà chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại. Ông và bà Phạm Thị Như S đã nhiều lần tìm hướng giải quyết để có thể cùng chung sống với nhau ở một nơi, cùng chăm sóc, yêu thương, giúp đỡ nhau nhưng cả hai đều không muốn thay đổi công việc cũng như nơi ở hiện tại. Cụ thể, ông không muốn quay về Việt Nam để sống cùng bà Phạm Thị Như S, còn bà Phạm Thị Như S cũng không muốn sang Hoa Kỳ để sống cùng ông.

Sau một thời gian, ông nhận thấy giữa ông và bà Phạm Thị Như S không có hạnh phúc hôn nhân, không thể trọn vẹn nghĩa vụ vợ chồng, không có chăm sóc, yêu thương nhau từ khi kết hôn cho đến nay.

Do đó, đối với yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Như S thì ông đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị Như S.

Về con chung: Ông khai giữa ông và bà Phạm Thị Như S không có con chung.

Về tài sản chung: Ông khai giữa ông và bà Phạm Thị Như S không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông khai giữa ông và bà Phạm Thị Như S không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là bà Phạm Thị Như S và bị đơn là ông Nguyen, Truc T1 đều có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vào ngày 26/7/2019, bà Phạm Thị Như S có Đơn khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho bà Phạm Thị Như S được ly hôn với ông Nguyễn, Truc T1. Do ông Nguyễn, Truc T1 đang cư trú tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà Phạm Thị Như S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng:

Nguyên đơn là bà Phạm Thị Như S có Đơn xin vắng mặt, đồng thời bị đơn là ông Nguyễn, Truc T1 cũng có Đơn xin vắng mặt đã được Lãnh sự quán Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại New York, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ chứng nhận / hợp pháp hóa lãnh sự ngày 21/10/2019, nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 207, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điểm a Khoản 1 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Phạm Thị Như S và ông Nguyễn, Truc T1 có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án thu thập được từ Bản tự khai của bà Phạm Thị Như S và Bản tự khai của ông Nguyễn, Truc T1 đã được Lãnh sự quán Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại New York, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ chứng nhận / hợp pháp hóa lãnh sự ngày 21/10/2019, hai bên thống nhất thuận tình ly hôn nên có cơ sở xác định rằng mục đích của hôn nhân giữa bà Phạm Thị Như S và ông Nguyễn, Truc T1 đã không đạt được. Do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Như S xin được ly hôn với ông Nguyễn, Truc T1.

Về con chung: Bà Phạm Thị Như S và ông Nguyễn, Truc T1 đều khai không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Như S và ông Nguyễn, Truc T1 đều khai không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Phạm Thị Như S và ông Nguyễn, Truc T1 đều khai không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Như S là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Phạm Thị Như S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị Như S như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị Như S và ông Nguyen, Truc T1 thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Như S và ông Nguyen, Truc T1 chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 51 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/4/2019 không còn giá trị.

2. Về con chung:

Bà Phạm Thị Như S và ông Nguyen, Truc T1 đều khai không có con chung, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Bà Phạm Thị Như S và ông Nguyen, Truc T1 đều khai không có tài sản chung, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung:

Bà Phạm Thị Như S và ông Nguyen, Truc T1 đều khai không có nợ chung, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Như S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Phạm Thị Như S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0024149 ngày 08/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị Như S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Như S vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với bà Phạm Thị Như S là 15 ngày, kể từ ngày bà Phạm Thị Như S hoặc người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Như S là bà Trần Thị Thu

T2, sinh năm 1997, địa chỉ tại số 48 Nguyễn Huy Tự, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyen, Truc T1 vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với ông Nguyen, Truc T1 là 01 tháng, kể từ ngày ông Nguyen, Truc T1 hoặc người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyen, Truc T1 là bà Trần Thị Thu T2, sinh năm 1997, địa chỉ tại số 48 Nguyễn Huy Tự, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Quận 12, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Hạnh